

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/ 2018/HNGĐ - ST

Ngày: 28/02/2018

V/v "tranh chấp ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diện

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Hưng

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Sen

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ: Bà Nguyễn Hồng Phần – Kiểm sát viên

Trong ngày 28 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 451/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2017 về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn* : Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1968

Địa chỉ cư trú: số 152/13 ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long

2. *Bị đơn* : Ông Phan Ngọc T, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: số 152/13 ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 24/10/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Kim D trình bày: Bà và ông Phan Ngọc T trên cơ sở quen biết đi đến kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 26/10/1990. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2006 thì thường phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông T có người phụ nữ khác, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Bà và ông T đã không còn sống chung với nhau từ tháng 11/2017 đến nay. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Phan Ngọc T

Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Tấn Đ, sinh năm 1990, Phan Thị Kim N, sinh năm 1996. Hiện đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phan Ngọc T vắng mặt mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ.

Tại biên bản ghi lời ngày 02/01/2018, ông Phan Ngọc T trình bày: Ông có nhận được hồ sơ khởi kiện do bà D gửi qua đường bưu điện. Đối với yêu cầu ly hôn của bà D ông không có ý kiến gì. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bà D hay ghen, giữa ông với bà D không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Ông và gia đình đã đến gặp bà D để khuyên bà D về đoàn tụ nhưng bà D không đồng ý về. Nếu bà D cương quyết ly hôn thì Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Tấn Đ, sinh năm 1990, Phan Thị Kim N, sinh năm 1996. Hiện đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ngoài ra không cung cấp chứng cứ gì thêm.

- Bị đơn ông Phan Ngọc T vắng mặt không có lý do.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật: trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: xét quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông T là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn, phù hợp quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa bà D vẫn kiên quyết xin ly hôn, tuy ông T không đồng ý nhưng không đến Tòa án để tham gia hòa giải cũng không đến phiên tòa nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Tuyên: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D; về con chung: đã trưởng thành nên không giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: không có nên không đặt ra giải quyết; về án phí: bà D nộp 300.000đ

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: tại phiên tòa hôm nay ông Phan Ngọc T vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 (hai) nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với Ông T

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà D và ông T tiến đến hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Phú Quới, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 69, quyển số 01 ngày 26/10/1990. Xét yêu cầu ly hôn của bà D: Tại Khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân gia đình quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được” Qua lời trình bày của bà D tại phiên tòa hôm nay cho thấy tuy đời sống vợ chồng giữa bà và ông T không có hành vi bạo lực gia đình nhưng do mâu thuẫn về quan điểm sống làm cho hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể đạt được vì ông bà không còn sống chung với nhau từ năm tháng 11/2017 đến nay nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D là có cơ sở.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Tấn Đ, sinh năm 1990, Phan Thị Kim N, sinh năm 1996. Hiện đều đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết; về nợ chung: đương sự khai không có nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định, có trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ các Điều 51, 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kim D và ông Phan Ngọc T

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Tấn Đ, sinh năm 1990, Phan Thị Kim N, sinh năm 1996. Hiện đều đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết; về nợ chung: đương sự khai không có nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Kim D nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0001075 ngày 06/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, bà D đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm không phải nộp tiếp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên trực tiếp giải quyết theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS HLH;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Diện